

BẢNG NIÊM YẾT, CÔNG KHAI MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ

STT	THỦ TỤC	MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ	CĂN CỨ PHÁP LÝ
A	Lệ phí hộ tịch		
01	Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	7.000 đồng	Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên
02	Đăng ký lại kết hôn	25.000 đồng	
03	Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử	7.000 đồng	
04	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	15.000 đồng	
05	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong	15.000 đồng	
06	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	10.000 đồng	
07	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	7.000 đồng	
08	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính
B	Lệ phí chứng thực		
01	Phí chứng thực bản sao từ bản chính	2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính	Thông tư số 226/2016/TT/BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực
02	Phí chứng thực chữ ký	10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản	
03	Phí chứng thực hợp đồng, giao dịch:		
A	Chứng thực hợp đồng, giao dịch	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
B	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
C	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
C	Lệ phí địa chính		
01	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	7.000 đồng/lần	Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên